

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ NỤ

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ
THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT,
TỈNH ĐẮK ĐẮK**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. VÕ THỊ THÚY ANH**

Phản biện 1: **PGS. TS. Nguyễn Hòa Nhân**

Phản biện 2: **TS. Phạm Long**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 01 năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế đóng vai trò quan trọng đối với mọi quốc gia, thuế không chỉ là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước mà còn là công cụ quan trọng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế góp phần đảm bảo công bằng xã hội, kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Quản lý thuế nói chung, thuế Thu nhập doanh nghiệp nói riêng, là một trong những giải pháp góp phần cân đối thu, chi ngân sách.

Năm 2010 Thành phố Buôn Ma Thuột được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận đô thị loại I trực thuộc tỉnh Đắk Lắk, cho đến nay các doanh nghiệp tại Thành phố Buôn Ma Thuột phát triển rất nhanh cả về số lượng và quy mô sản xuất, kinh doanh. Nhưng công tác quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khu vực này còn hạn chế. Nền kinh tế của tỉnh Đắk Lắk chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và xuất khẩu nông sản, lâm sản (chiếm khoảng 60% GDP), tuy nhiên việc Chính phủ quy định không phải kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng đối với kinh doanh nông sản kể từ ngày 01/01/2014 nhằm khuyến khích sản xuất kinh doanh dẫn đến giảm nguồn thu của Tỉnh Đắk Lắk cũng như giảm nguồn thu của Thành phố tương đối lớn so với trước đây (trong khi đây là nguồn thu chủ yếu của Thành phố). Vì vậy, việc nâng cao hiểu biết về công tác quản lý thuế nói chung và thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng là một đòi hỏi cấp thiết, là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành thuế Việt Nam hiện nay. Việc đi sâu nghiên cứu công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ góp phần làm lành mạnh hóa hoạt động tài chính, đầu tư và tăng cường tính hiệu lực, tính hiệu quả chính sách thuế. Xuất phát từ thực tế trên, tác giả quyết định chọn đề tài: ***Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk*** làm luận văn tốt nghiệp.

Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý thuế TNDN tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian đến.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm mục đích giải quyết ba vấn đề cơ bản sau:

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian đến.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Từ mục tiêu nghiên cứu câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là:

- Nội dung của công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp là gì? Có thể sử dụng những tiêu chí nào để đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp?.

- Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua? Những kết quả đã đạt được? Những hạn chế và nguyên nhân?.

- Giải pháp nào để hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian đến?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề lý luận và thực tiễn liên

quan đến công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

+ Về không gian: Những vấn đề liên quan đến công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

+ Về thời gian: đề tài nghiên cứu trong thời gian 03 năm từ năm 2012 đến 2014.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nói trên luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu: dựa trên cơ sở nền tảng lý luận cơ bản về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp, và tiến hành thu thập thông tin, tham khảo các công trình, luận văn khoa học có nội dung tương tự đã được công nhận để tiến hành nghiên cứu nhằm tìm ra nền tảng cho quá trình hoàn thành luận văn. Phương pháp thống kê, mô tả, so sánh theo trình tự thời gian để đánh giá quá trình vận động của vấn đề thật toàn diện, tổng hợp số liệu qua các năm tạo cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, từ đó tạo cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Với mục tiêu và phương pháp nghiên cứu như trên, tác giả hy vọng đề tài có thể đạt được một số ý nghĩa Về lý thuyết: Luận văn hướng đến việc khái quát các vấn đề lý thuyết cơ bản về quản lý thuế

thu nhập doanh nghiệp. Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở phân tích thực trạng, đánh giá những mặt được và hạn chế từ công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua, luận văn hướng đến việc đề ra các giải pháp, cũng như kiến nghị giúp hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn trong thời gian tới.

7. Bố cục đề tài: nội dung của luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế TNDN:

a. Khái niệm thuế TNDN Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu vào phần thu nhập của các tổ chức kinh doanh nhằm đảm bảo sự đóng góp công bằng, hợp lý giữa các tổ chức sản xuất kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ có thu nhập, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

b. Đặc điểm của thuế TNDN

Là thuế trực thu (là loại thuế mà người chịu thuế và người nộp thuế đồng thời là một), đánh trực tiếp vào thu nhập của của các cơ sở

kinh doanh khi có thu nhập chịu thuế phát sinh để động viên một phần thu nhập vào ngân sách nhà nước trong một kỳ tính thuế nhất định.

c. Vai trò của thuế TNDN

Nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước; Công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội; Công cụ quan trọng để góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Nhà nước;

1.1.2. Các nội dung cơ bản về thuế TNDN:

a. Người nộp thuế

Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế (sau đây gọi là doanh nghiệp).

b. Căn cứ tính thuế là thu nhập tính thuế và thuế suất.

- Thu nhập tính thuế được xác định bằng công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Thu} \\ \text{nhập} \\ \text{tính} \\ \text{thuế} \\ \text{trong} \\ \text{kỳ tính} \\ \text{thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu} \\ \text{nhập} \\ \text{chịu} \\ \text{thuế} \end{array} - \left(\begin{array}{l} \text{Thu} \\ \text{nhập} \\ \text{được} \\ \text{miễn} \\ \text{thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản lỗ} \\ \text{được kết} \\ \text{chuyển} \\ \text{từ các} \\ \text{năm} \\ \text{trước} \end{array} \right)$$

- Thu nhập chịu thuế xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{được trừ} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thu nhập khác} \end{array}$$

- ***Doanh thu*** là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng.

- ***Chi phí hợp lệ:*** Trừ các khoản chi dưới đây, doanh nghiệp được

trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

+ Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:

Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện quy định trên, trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường;

Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính;

Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;

Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật Việt Nam quy định;

Phần chi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng;

Phần chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa vượt định mức tiêu hao do doanh nghiệp xây dựng, thông báo cho cơ quan thuế và giá thực tế xuất kho;

Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay;

Trích khấu hao tài sản cố định không đúng quy định của pháp luật;

- **Thu nhập khác** là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh

doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Thu nhập được miễn thuế:**

- **Xác định lỗ và chuyển lỗ**

c. Kỳ tính thuế

Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng.

d. Thuế suất

Thuế suất phổ thông thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, kể từ ngày 01/01/2014 là 22%, kể từ ngày

đ. Phương pháp tính thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left[\begin{array}{l} \text{Thu} \\ \text{nhập} \\ \text{tính} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Phần trích lập quỹ} \\ \text{KH\&CN (nếu có)} \end{array} \right] \times \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{suất} \\ \text{thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

1.2. QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm quản lý thuế TNDN:

Quản lý thuế TNDN là những công việc vốn có, tất yếu phải thực hiện và trình tự thực hiện các công việc đó để quản lý và thu thuế TNDN vào ngân sách.

1.2.2. Sự cần thiết phải quản lý thuế TNDN:

Quản lý thuế chính là việc thực hiện quá trình hành pháp về thuế. Chính vì vậy, sự cần thiết của quản lý thuế Thu nhập doanh nghiệp cũng xuất phát từ chính vai trò của thuế Thu nhập doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Và ảnh hưởng của thuế TNDN tới sự phát triển của nền kinh tế.

1.2.3. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý thuế TNDN:

a. Mục tiêu quản lý thuế TNDN:

Thứ nhất, tăng cường tập trung, huy động đầy đủ và kịp thời số thu cho NSNN trên cơ sở không ngừng nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

Thứ hai, phát huy tốt nhất vai trò của Thuế TNDN trong nền kinh tế.

Thứ ba, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế cho các tổ chức kinh tế và dân cư.

b. Nguyên tắc quản lý thuế TNDN

Để đạt được các mục tiêu, công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp phải đảm bảo các nguyên tắc đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

1.2.4. Vai trò của quản lý thuế TNDN:

Quản lý thuế TNDN để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội, góp phần quan trọng trong việc động viên nguồn thu thường xuyên, ổn định cho NSNN.

1.2.5. Công tác quản lý thuế TNDN:

a. Công tác lập dự toán thu thuế TNDN

b. Công tác tổ chức thực hiện quản lý thuế TNDN

Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; Phân cấp quản lý thu thuế, kê khai, nộp thuế; Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

c. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế TNDN

1.2.6. Tiêu chí đánh giá kết quả công tác

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thu thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính:

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thu thuế TNDN (\%)} = \frac{\text{Số thu thuế TNDN trong năm}}{\text{Số dự toán thu thuế TNDN trong năm}}$$

- Tốc độ tăng thu:

$$\text{Tốc độ tăng thu (\%)} = \frac{\text{Số thu năm nay} - \text{Số thu năm trước}}{\text{Số thu năm trước}}$$

- Tỷ lệ nợ trên tổng số thuế phải nộp

$$\text{Tỷ lệ nợ (\%)} = \frac{\text{Số còn nợ}}{\text{Tổng số thuế phải nộp}}$$

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp:

$$\text{Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế (\%)} = \frac{\text{Số cuộc thanh tra, kiểm tra thực hiện trong năm}}{\text{Số cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch}}$$

- Chất lượng dịch vụ: được thể hiện trong việc cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, công khai và thuận tiện cho người dân khi tham gia các giao dịch với cơ quan thuế.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ TNDN

1.3.1. Cơ chế chính sách của Nhà nước

- *Pháp luật thuế Thu nhập doanh nghiệp:*
- *Cơ chế chính sách khác:*
- *Các cơ quan quản lý Nhà nước khác.*

1.3.2. Nhân tố thuộc về Doanh nghiệp

- *Quy mô, mạng lưới*
- *Ý thức tuân thủ pháp luật*

1.3.3. Nhân tố thuộc về cơ quan thuế và công chức thuế

- *Tổ chức bộ máy quản lý*
- *Điều kiện kinh tế, cơ sở vật chất kỹ thuật*
- *Nguồn nhân lực của cơ quan thuế.*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

2.1.1 Tổng quan về Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma thuật

a. Quá trình hình thành và phát triển của Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuật

Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuật được thành lập theo Quyết định số 315TC/QĐ ngày 21 tháng 08 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và chịu sự lãnh đạo song trùng của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk và UBND thành phố.

b. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế

- **Chức năng** Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuật là tổ chức trực thuộc Cục Thuế Đắk Lắk có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của ngân sách nhà nước (gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- **Nhiệm vụ và quyền hạn** Chi cục Thuế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo qui định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế, các qui định pháp luật khác có liên quan

c. Cơ cấu tổ chức

2.1.2. Bối cảnh bên ngoài

a. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội

b. Đặc điểm các doanh nghiệp Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuật quản lý thu thuế

Hiện nay trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột quản lý hơn 2000 doanh nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp có quy mô nhỏ, số vốn đầu tư ít, lao động ít.

Các doanh nghiệp này chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại (Kinh doanh nông sản), dịch vụ và xây dựng. Công tác quản lý doanh nghiệp và công tác kế toán của doanh nghiệp thường khoán gọn khi thực hiện nghĩa vụ thuế.

2.1.3. Bối cảnh bên trong

a. Tình hình nhân sự, con người của Chi cục Thuế.

Bộ máy tổ chức Chi cục Thuế hiện đang hoạt động quản lý theo mô hình chức năng, kết hợp quản lý theo sắc thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp) và kết hợp quản lý trực tuyến theo quy định của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế tại Quyết định số 503/QĐ-TCT, trong đó: Ban lãnh đạo chi cục gồm 1 chi cục trưởng và 3 phó chi cục trưởng.

Trình độ của cán bộ công chức thuế: Hiện nay Chi cục thuế Buôn Ma Thuột có tổng số cán bộ biên chế và hợp đồng là 159 người, trong đó: Cán bộ biên chế có 150 người, hợp đồng dài hạn 07 người, hợp đồng ngắn hạn 02 người được bố trí ở 16 Đội thuế. Ban lãnh đạo có 4 đồng chí. Về trình độ học vấn: THPT có 149 người, chiếm 93.7%, THCS có 10 người, chiếm 6.3%. Trình độ chuyên môn: đại học và trên đại học có 99 người, chiếm 62.3%; cao đẳng có 07 người, chiếm 4.4%; trung cấp có 47 người, chiếm 29.6%; chưa qua đào tạo 6 người, chiếm 3.7%.

b. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thu thuế ngày càng hoàn thiện, nhà làm việc được xây dựng mới khang trang, trang thiết bị làm việc đảm bảo điều kiện để tiếp dân, tiếp người nộp thuế. Hiện nay, số lượng máy vi tính ứng dụng các phần mềm tin học quản lý theo chức

năng đảm bảo, tất cả các khâu và quy trình quản lý, thông tin chỉ đạo, tập huấn đều được thực hiện trên vi tính đảm bảo thuận lợi, nhanh chóng, chính xác đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.

2.1.4. Tình hình thu NSNN của Chi cục Thuế Thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2012- 2014

Tổng thu NSNN từ thu thuế và phí năm 2012 là 725.712 triệu đồng, đạt 78% dự toán pháp lệnh, đạt 77% dự toán hội đồng nhân dân, và 73% dự toán phân đầu, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2011.

Tổng thu NSNN từ thu thuế và phí năm 2013 là 657.518 triệu đồng, đạt 75,9% dự toán pháp lệnh, đạt 73,1% dự toán HĐND, bằng 90,5% so với cùng kỳ năm 2012.

Kết quả thu NSNN từ thuế, phí năm 2014 đạt 675.629 triệu đồng đạt 86,1% dự toán pháp lệnh, đạt 84,5 % dự toán HĐND, bằng 102,8% so với cùng kỳ năm 2013.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐAKLAK

2.2.1. Công tác lập dự toán thu thuế TNDN

Hàng năm, Chi cục Thuế đã chủ động tham mưu cho Thành uỷ ban hành Chỉ thị triển khai thực hiện dự toán thu ngân sách năm, tham mưu cho UBND thành phố ban hành văn bản chỉ đạo công tác thu NS năm. Khi nhận được dự toán cấp trên giao Chi cục thuế Thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành họp các đội thuế và căn cứ vào dự toán pháp lệnh và dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao, đã tham mưu phân bổ dự toán kịp thời cho các đơn vị thực hiện dự toán là các đội thuế và các xã phường.

2.2.2. Công tác tổ chức thực hiện quản lý thuế TNDN

a. Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền về thuế thu nhập doanh nghiệp ở chi cục

thuế TP Buôn Ma Thuột được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú, trong đó hình thức tuyên truyền nhiều nhất là qua loa đài của phường xã, qua đài phát thanh truyền hình của thành phố, cấp phát tờ rơi và trên các panô, áp phích...

Bên cạnh đó, hàng năm, chi cục thuế đều tổ chức hội nghị đối thoại với người nộp thuế theo quy chế do Bộ Tài chính quy định. Qua đó cơ quan thuế trực tiếp giải đáp các thắc mắc của người nộp thuế, nhất là lắng nghe ý kiến phản ánh về thái độ phục vụ của cán bộ thuế thông qua việc phối hợp với Cục Thuế tỉnh tổ chức “tuần lễ lắng nghe ý kiến người nộp thuế” để có biện pháp uốn nắn chấn chỉnh.

b. Phân cấp quản lý thu thuế, kê khai, nộp thuế

- ***Công tác phân cấp quản lý thu thuế ở tỉnh Đắk Lắk:*** Theo Luật doanh nghiệp, doanh nghiệp được cấp mã số thuế tại Cục Thuế tỉnh và phân cấp Cục Thuế quản lý hoặc phân cấp quản lý về Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố (vì thế số thuế của DN nộp vào NSNN được điều tiết cho ngân sách cấp tỉnh hay huyện phụ thuộc vào DN đó do Cục Thuế hay Chi cục Thuế quản lý). Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần có quy mô nhỏ, các hộ SXKD cá thể.

Theo phân cấp quản lý của Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk hiện nay Chi cục Thuế Tp. Buôn Ma Thuột đang quản lý khoảng 2.473 doanh nghiệp tại 3 đội kiểm tra thuế.

- ***Công tác kê khai thuế:*** rà soát quản lý tốt thông tin người nộp thuế, theo dõi đôn đốc người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế, kịp thời chấm bộ rút nợ đọng, quyết toán và lập các bộ thuế theo đúng quy định. Rà soát xử lý kịp thời các trường hợp có biến động điều chỉnh kịp thời phục vụ tốt cho công tác thu nộp, đôn đốc doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng đến 30/11/2013 tổng số đơn vị kê khai thuế qua mạng là 1.231 đơn vị.

- **Công tác quản lý nộp thuế:** Chi cục thuế đã triển khai dự án Hiện đại hóa quy trình quản lý thu, nộp thuế giữa cơ quan Thuế, kho bạc thành phố và các ngân hàng thương mại.

c. Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Chi cục Thuế xác định công tác thu nợ là một trong các nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên đối với việc thực hiện dự toán thu, hàng năm đã tập trung thực hiện công tác đôn đốc thu nợ và xử lý nợ đọng một cách quyết liệt ngay từ những tháng đầu năm; xây dựng kế hoạch, chương trình công tác thu nợ hàng tháng sát với đặc điểm tình hình từng DN, phân công cụ thể cho từng công chức QLNN lập kế hoạch chi tiết cho công tác giảm nợ hàng tháng áp dụng đồng bộ các biện pháp thu hồi nợ đọng.

2.2.3. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế TNDN

a. Đối với hoạt động kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế

Qua công tác kiểm tra, giám sát đã phát hiện, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp khai sai thuế suất, sai số thuế phải nộp, khai sai về giá bán ra.

Từ kết quả phân tích, giám sát hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế đã góp phần cho công tác kiểm tra tại trụ sở NNT đạt hiệu quả cao, rút ngắn được thời gian kiểm tra tại trụ sở NNT so với quy trình, số tăng thu qua kiểm tra đạt cao, chấn chỉnh NNT khai thuế, nộp thuế ngày càng tốt hơn. Qua kiểm tra tại trụ sở CQT đã góp phần chống thất thu hiệu quả và huy động đáng kể một phần nguồn thu vào NSNN; kỹ năng nghiệp vụ của công chức kiểm tra thuế ngày càng được nâng cao.

b. Đối với hoạt động kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Bảng 2.7. Kết quả thực hiện công tác kiểm tra tại trụ sở NNT của Chi cục thuế Thành phố Buôn Ma Thuột trong giai đoạn 2012 – 2014

Số lượt NNT bị truy thu, thu hồi thuế sau khi kiểm tra (lượt)			Tổng số tiền thuế truy thu, phạt thu hồi (triệu đồng)			Trong đó số thuế TNDN truy thu, thu hồi (triệu đồng)			Tỷ trọng thuế TNDN/tổng số thu (%)		
2012	2013	2014	2012	2013	2014	2012	2013	2014	2012	2013	2014
308	313	331	17.701	22.951	16.347	8.170	8.500	6.736	46	37	41

(Nguồn: Chi cục thuế Thành phố Buôn Ma Thuột)

Tỷ lệ người nộp thuế được kiểm tra là tương đối thấp, chưa được thường xuyên, kết quả kiểm tra chưa cao.

Năm 2012 thực hiện 323 cuộc kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế bằng 117,86% so với cùng kỳ năm trước; Năm 2013 thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế là 333 cuộc, đạt 106,4% kế hoạch Cục thuế giao và bằng 104,7% so với cùng kỳ năm trước; Năm 2014 thực hiện kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế là 352 cuộc (đạt 106 % KH năm).

2.2.4. Đánh giá kết quả công tác quản lý thuế TNDN thông qua các tiêu chí

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thu thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm:

Bảng 2.8. Tình hình thực hiện thu thuế TNDN so với dự toán tại Chi cục Thuế Thành phố Buon Ma Thuột giai đoạn 2012 đến 2014

CHỈ TIÊU	Dự toán pháp lệnh			Số thuế đã thu			Số thu/Dự toán		
	2012	2013	2014	2012	2013	2014	2012	2013	2014
	trđ	trđ	trđ	trđ	trđ	trđ	%	%	%
TỔNG SỐ	43.624	59.024	56.070	46.185	55.825	52.875	106	94,6	94,3
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	1.300	1.104	870	881	1.044	1.897	68	94,6	218
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	5.000	7.920	4.200	8.263	8.414	7.599	165	106,2	180,9
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	37.324	50.000	51.000	37.041	46.367	43.379	99	92,7	85,1

(Nguồn: Chi cục thuế Thành phố Buon Ma Thuột)

Qua bảng trên cho thấy tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 vượt 6% tuy nhiên năm 2013 và 2014 lại hụt 5,4% và 5,7% không đạt dự toán thu thuế TNDN được giao. Nguyên nhân Chi cục Thuế quản lý chủ yếu doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 25% xuống 20% đối với doanh nghiệp có doanh thu năm trước liền kề dưới 20 tỷ, dẫn đến số thu giảm. Bên cạnh đó tình hình kinh tế của tỉnh cũng như của thành phố còn gặp nhiều khó khăn, việc sản xuất kinh doanh phục hồi chậm, sức mua thị trường thấp, số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động khá cao riêng năm 2014 là 334 doanh nghiệp giải thể, nghỉ bỏ kinh doanh.

- *Tốc độ tăng thu:*

Tốc độ tăng thu năm 2012 so với 2011 là 20%, năm 2013 so với năm 2012 là 21 %. Tuy nhiên năm 2014 chỉ đạt 95% so với năm 2013. Qua bảng cho thấy tốc độ tăng thu qua các năm khối DN ngoài quốc

doanh ngày càng tăng, trong khi đó khối doanh nghiệp nhà nước tăng ngày càng chậm và thấp.

- Tỷ lệ nợ trên tổng số thuế phải nộp

Tỷ lệ nợ/ tổng số thuế phải nộp là tương đối cao so với qui định không quá 5% lần lượt là 15%, 25%, 23%. Tỷ lệ này không giảm mà còn tăng dần lên qua các năm. Nguyên nhân chủ yếu một số DN nợ nhưng tự bỏ kinh doanh chưa tìm được người đại diện theo pháp luật để đơn đốc và áp dụng biện pháp xử lý thu hồi nợ đọng, một số DN nợ đọng lớn nhưng không có khả năng thanh toán do bị chiếm dụng vốn, một số DN xây dựng các công trình bằng nguồn vốn ngân sách vẫn chưa được thanh toán vốn.

- Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công tác kiểm tra luôn hoàn thành vượt so với kế hoạch giao lần lượt là 103%, 106%, 106% qua các năm. Tuy nhiên tỷ lệ DN được kiểm tra là tương đối thấp so với số doanh nghiệp Chi cục Thuế hiện đang quản lý, dẫn đến việc kiểm tra chưa được thường xuyên.

- Số sai phạm phát hiện qua kiểm tra:

- Chất lượng cung ứng dịch vụ công tại Chi cục Thuế:

Chi cục Thuế đã sắp xếp và bố trí phòng làm việc cho Tổ một cửa (nay là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả), gắn biển chỉ dẫn để thuận tiện cho khách đến giao dịch. Các quy định, quy trình thực hiện đã được áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Hộp thư góp ý được bố trí trước cửa Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để tổ chức, cá nhân (gọi chung là khách) tham gia góp ý kiến. Ngoài ra khách có thể khai thác các thông tin có liên quan thông qua Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế tỉnh.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ TNDN

2.3.1. Những kết quả đạt được

Hoàn thành tương đối dự toán thu ngân sách được giao.

Thủ tục hành chính đã được cải cách hợp lý hơn, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin vào các quy trình quản lý thuế cũng như quản lý nội bộ ngành. Triển khai ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào các thủ tục hành chính tại Chi cục Thuế.

Năng lực bộ máy quản lý thuế được nâng cao thêm: Tổ chức quản lý thu thuế tại Chi cục Thuế được tổ chức theo chức năng đã hạn chế được tiêu cực trong công tác quản lý thuế theo kiểu "khép kín". Từng bước thực hiện chuyên môn hoá quản lý theo chức năng nâng cao trình độ nghiệp vụ của các cán bộ thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng tin học vào quản lý thu thuế.

Đẩy mạnh ứng dụng tin học vào tất cả các khâu quản lý thu thuế TNDN.

2.3.2. Những mặt hạn chế

Công tác quản lý người nộp thuế chưa chặt chẽ, khả năng thu thập và xử lý thông tin còn thiếu và yếu không đáp ứng yêu cầu quản lý thuế, do chưa có một bộ phận chuyên thu thập, xử lý thông tin cũng như chưa có một cơ chế thu thập thông tin nên việc phân tích, đánh giá và xử lý hành vi gian lận thuế, xác định lại doanh thu và chi phí thực tế hay chính là xác định một cách chính xác thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp là rất khó khăn, việc phân tích mất nhiều thời gian, độ chính xác không cao...

Công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT chưa đạt hiệu quả cao, công tác hỗ trợ ĐTNT còn nghèo nàn, rời rạc, phân tán., nội dung hỗ trợ mới chỉ

dừng lại ở việc cung cấp một số lượng rất hạn chế các văn bản hướng dẫn, chưa có điều tra, khảo sát, phân tích nhu cầu của NNT theo nhu cầu của đối tượng.

Hoạt động kiểm tra thuế chưa đạt hiệu quả cao: Trình độ cán bộ kiểm tra còn hạn chế không kịp thời với những hành vi trốn thuế tinh vi như hiện nay.

2.3.3. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân chủ quan

- Trình độ đội ngũ cán bộ thuế còn thấp một bộ phận cán bộ quản lý thuế trình độ hiểu biết và thực thi về chính sách thuế còn hạn chế.

- Bộ máy quản lý thuế chưa hợp lý công tác tổ chức cán bộ chưa hoàn thiện, việc sắp xếp bố trí cán bộ ở một bộ phận, vị trí chưa phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của cơ quan thuế.

- Nhận thức của doanh nghiệp về thuế TNDN còn thấp trình độ hiểu biết về thuế, hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của NNT chưa đầy đủ nên ý thức chấp hành các luật thuế, pháp lệnh thuế và sự tự giác khi chấp hành nghĩa vụ thuế chưa cao.

b. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ nhìn chung hệ thống pháp luật và các văn bản hướng dẫn còn chưa hoàn thiện, có những nội dung còn chưa sát với thực tế quản lý thu thuế.

- Cơ sở vật chất của ngành thuế còn nhiều hạn chế, điều kiện vật chất của ngành thuế còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Kinh tế chưa phát triển, thu nhập của dân cư còn thấp, vẫn còn một số DN (đặc biệt là các DN nhỏ) chưa đáp ứng được đòi hỏi về trang thiết bị công nghệ tin học để tiến hành công tác nhập tài liệu, làm sổ sách nên hiệu quả sử dụng, phân tích thông tin phục vụ yêu cầu chỉ đạo kiểm tra đôn đốc thu còn hạn chế

CHƯƠNG 3
HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ BUÔN
MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK TRONG
THỜI GIAN TỚI

3.1.1. Mục tiêu chung mục tiêu cụ thể quản lý thuế đến năm 2020 là:

- Hoàn thành đạt và vượt mức dự toán thu ngân sách nhà nước hàng năm.

- Giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% trên tổng thu NSNN theo yêu cầu.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính thuế, phấn đấu giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính thuế là một trong các nước được xếp hạng có mức độ thuận lợi về thuế.

- Tăng cường công tác khai thuế qua mạng Internet theo hướng mở rộng đối tượng tham gia và chú trọng chất lượng.

- Tập trung huy động đầy đủ các nguồn thu trên địa bàn vào ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo 100% cán bộ công chức thuế đảm đương được nhiệm vụ quản lý thu thuế.

3.1.2. Định hướng quản lý thuế TNDN trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Một số định hướng cụ thể khi thực hiện quản lý thuế TNDN trên địa bàn, như sau:

- Đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ thu NSNN hàng năm

- Chi cục Thuế tham mưu cho HĐND, UBND thành phố giao dự toán thu hàng năm cho UBND các xã, phường và các đội thuế, tham

mưu thành lập Đoàn liên ngành chống thất thu ngân sách.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN.

- Đẩy mạnh tiến trình cải cách hiện đại hoá theo đúng kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt: Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách hành chính và hiện đại hoá ngành thuế giai đoạn 2011-2020 đã được Chính phủ, Bộ Tài chính phê duyệt.

- Thực hiện tốt chương trình phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan thuế.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

3.2.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực

a. Về tổ chức bộ máy

Để công tác quản lý thuế TNDN đạt được mục tiêu thì bộ máy tổ chức phải hiện đại, hiệu quả trong đó các chức năng quản lý thuế được điều chỉnh, hoàn thiện theo mô hình quản lý thuế kết hợp hợp lý giữa quản lý thuế theo chức năng với quản lý thuế theo đối tượng, đồng thời phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của cơ quan thuế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo nguyên tắc tập trung thống nhất. Đội ngũ cán bộ công chức chuyên nghiệp chuyên sâu, liêm chính. Việc kiểm tra giám sát thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuế được tăng cường.

Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu quản lý thuế, tăng dần tỷ trọng công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra, giảm dần tỷ trọng công chức làm ở các bộ phận gián tiếp để tăng cường công chức cho cán bộ trực tiếp quản lý thuế.

b. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

Để công tác quản lý thuế thu nhập được thực hiện tốt thì con người luôn là trung tâm, là yếu tố quan trọng nhất. Nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ thuế sẽ có công tác tích cực tới toàn bộ công tác quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng.

Chú trọng việc bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các khâu như tuyên truyền, bộ phận một cửa, bộ phận kê khai và cán bộ thanh tra kiểm tra. Kiện toàn nâng cao chất lượng bộ phận giải đáp thuế bằng điện thoại, internet để giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp. Cần có những khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ thanh tra, kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng nghiệp vụ của cán bộ kiểm tra, khai thác nguồn thu hiệu quả hơn.

3.2.2. Các giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ

a. Giải pháp về công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

Để đẩy mạnh và tăng cường hiệu quả công tác quản lý thu thì công việc quan trọng và lâu dài là nâng cao nhận thức của từng người nộp thuế. Chỉ khi nào người nộp thuế thấy được lợi ích thiết thực của khoản đóng góp của mình thì bản thân họ sẽ tự giác chấp hành những nghĩa vụ thuế do nhà nước đặt ra.

b. Giải pháp về cơ sở thông tin dữ liệu, ứng dụng tin học

Muốn triển khai hiệu quả Luật quản lý thuế nói chung và Luật thuế TNDN nói riêng, ngành thuế phải ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế có tính liên kết, tự động hóa cao, gắn chặt với quá trình cải cách thủ tục hành chính thuế và áp dụng thuế điện tử để quản lý thu có hiệu quả.

c. Giải pháp về công tác kê khai và kế toán thuế:

Sửa đổi theo hướng hồ sơ, thủ tục về khai thuế, nộp thuế đơn giản rõ ràng minh bạch, dễ thực hiện giảm tần suất kê khai thuế, nộp

thuế; thực hiện các thủ tục khai thuế, nộp thuế bằng phương thức điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nộp thuế, giảm chi phí tuân thủ của người nộp thuế và chi phí quản lý của cơ quan thuế.

d. Giải pháp về công tác thanh tra, kiểm tra

Trong tương lai, ngành thuế cần thành lập một trung tâm phân tích, xử lý dữ liệu và sử dụng phương pháp quản lý rủi ro để lựa chọn đối tượng thanh tra kiểm tra cho toàn quốc theo những tiêu chí thống nhất cho từng năm tính thuế.

e. Hoàn thiện công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế

Trên cơ sở dữ liệu về người nộp thuế thông tin kê khai thuế, tài liệu, hồ sơ liên quan, số tiền nợ thuế để tiến hành phân loại nợ thuế theo các tiêu thức: Nợ khó thu, nợ chờ xử lý, nợ có khả năng thu

Đồng thời phải tiến hành phân loại nợ theo nhóm đối tượng quản lý: Nhóm DN có ý thức chấp hành pháp luật thuế tốt; Nhóm DN kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài vào tình trạng phá sản và không có khả năng trả nợ; Nhóm DN không có ý thức chấp hành các luật thuế, có biểu hiện chây ì nợ thuế (chủ yếu là các DN ngoại quốc doanh có số thuế nợ đọng kéo dài và không có động thái thanh toán nợ)

Phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan để tổ chức các đợt truy thu thuế và xử phạt các đơn vị, cá nhân có nợ đọng kéo dài, chây ì trong nộp thuế.

Dự toán khả năng thanh toán nợ thuế để lập kế hoạch quản lý áp dụng biện pháp thu nợ phù hợp, kịp thời.

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Bộ Tài chính

3.3.2. Kiến nghị với Tổng cục thuế

3.3.3. Kiến nghị Thành ủy, HĐND, UBND

3.3.4. Kiến nghị với các cơ quan liên quan

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, trong tương lai, nguồn thu nhập chịu thuế sẽ ngày càng phức tạp, số người nộp thuế TNDN sẽ không ngừng gia tăng. Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế TNDN trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk nhằm đảm bảo cho hệ thống quản lý thu thuế TNDN trở thành một hệ thống quản lý thuế hiện đại và khoa học, khắc phục được những vướng mắc, tồn tại được phát hiện trong thực tiễn triển khai thi hành luật.

Đề tài đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận cũng như thực tiễn áp dụng của thuế TNDN trên địa bàn. Chúng ta cũng đã bước đầu tổng kết những thành quả đã đạt được và đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNDN trong thời gian vừa qua. Nhìn thấy những gì đã làm được cũng như những yếu kém còn tồn tại để trong thời gian tới đây có những điều chỉnh phù hợp. Phát huy những mặt tích cực, khắc phục những tồn tại để thuế TNDN thực sự trở thành công cụ hữu hiệu động viên nguồn thu cho ngân sách nhà nước và đáp ứng những thay đổi trong quá trình hội nhập kinh tế hiện nay.

Công tác quản lý thuế TNDN là một vấn đề rất phức tạp và nhạy cảm nó có ảnh hưởng và chịu chi phối của hàng loạt các quan điểm, chính sách kinh tế - xã hội và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. Việc hoàn thiện công tác quản lý thuế TNDN nhằm khơi tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước và thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ văn minh.